

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ – ST

Ngày: 22-01-2020

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đình Cường

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham dự phiên tòa.

Ngày 22 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 343/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019, về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Trần Thị Kiều D**, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp CC, xã MP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: **Anh Thạch K1**, sinh năm: 1975 (mất tích)

Địa chỉ: ấp CC, xã MP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI D V U Á N

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Kiều D trình bày: Nguyên vào năm 2013, chị và anh Thạch K1 kết hôn theo phong tục tập quán, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 17/7/2013.

Sau khi kết hôn, anh chị về sinh sống tại ấp CC, xã MP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi dẫn đến mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Tháng 02/2015, anh K1 đã bỏ nhà đi biệt tích không về dù chị D đã nhiều lần đi tìm nhưng không có tin tức. Ngày 08/4/2019, chị D đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long tuyên bố mất tích đối với anh Thạch K1 để bổ sung thủ tục ly hôn và đã được giải quyết bằng quyết định số 01/2019/QĐDS – ST, ngày 20/9/2019 tuyên bố anh Thạch K1 mất tích. Nay chị D cảm thấy tình cảm vợ chồng phai nhạt nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Thạch K1. Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Thạch Anh K2, sinh ngày 31/5/2013. Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K2, không yêu cầu anh K1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung phải thu – phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn chị Trần Thị Kiều D có đơn đề ngày 29 tháng 11 năm 2019 xin Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Thạch K1 từ khi bị tuyên bố mất tích tới nay không liên lạc được nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ngày 29 tháng 11 năm 2019, chị Trần Thị Kiều D có đơn yêu cầu ly hôn với anh Thạch K1. Anh K1 đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và có nơi cư trú cuối cùng là ấp CC, xã MP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 20/9/2019, Tòa án nhân dân huyện M đã có quyết định số 01/2019/QĐDS – ST, tuyên bố anh Thạch K1 mất tích và đến nay không còn tin tức gì của anh K1. Từ khi thụ lý vụ án xin ly hôn của chị D với anh K1, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, nguyên đơn chị Trần Thị Kiều D có đơn đề ngày 29 tháng 11 năm 2019 yêu cầu Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên vào năm 2013, chị và anh Thạch K1 kết hôn theo phong tục tập quán, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 17/7/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh K1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị D cho rằng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh K1 đã bỏ nhà đi biệt tích từ tháng 02/2015 không về dù chị D đã nhiều lần đi tìm nhưng không có tin tức đến nay nên chị yêu cầu ly hôn với anh K1. Từ khi bị Tòa án tuyên bố mất tích đến nay anh K1 vẫn biệt tích. Như vậy có đủ cơ sở Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D với anh K1 là phù hợp với Điều 51 và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: chị D yêu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thạch Anh K2, sinh ngày 31/5/2013, không yêu cầu anh K1 cấp dưỡng nuôi con. Xét từ khi anh K1 bỏ nhà đi mất tích đến nay cháu K2 sống với chị D, cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D: tiếp tục giao cháu Thạch Anh K2 cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con do bên trực tiếp nuôi con không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị D phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kiều D

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Kiều D được ly hôn với anh Thạch K1.

2/Về con chung: Giao con chung Thạch Anh K2, sinh ngày 31/5/2013 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Do bên trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét. Bên không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Trần Thị Kiều D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số N^o 0007312 ngày 05 tháng 12 năm 2019, chị D không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAT: 01;
- VKSND huyện M:01;
- THADS huyện M: 01;
- UBND xã MP (2013):01;
- Đương sự: 02;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Tám